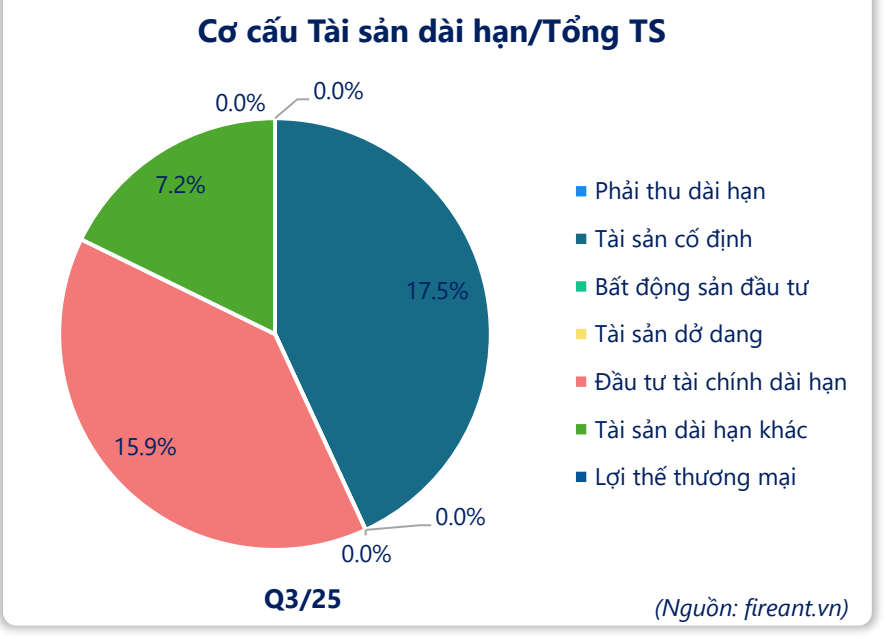
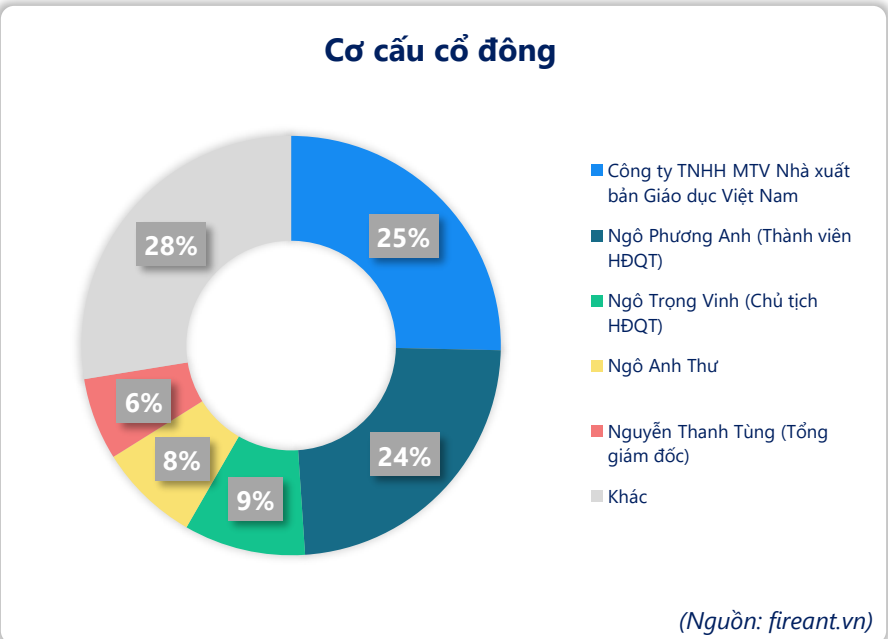
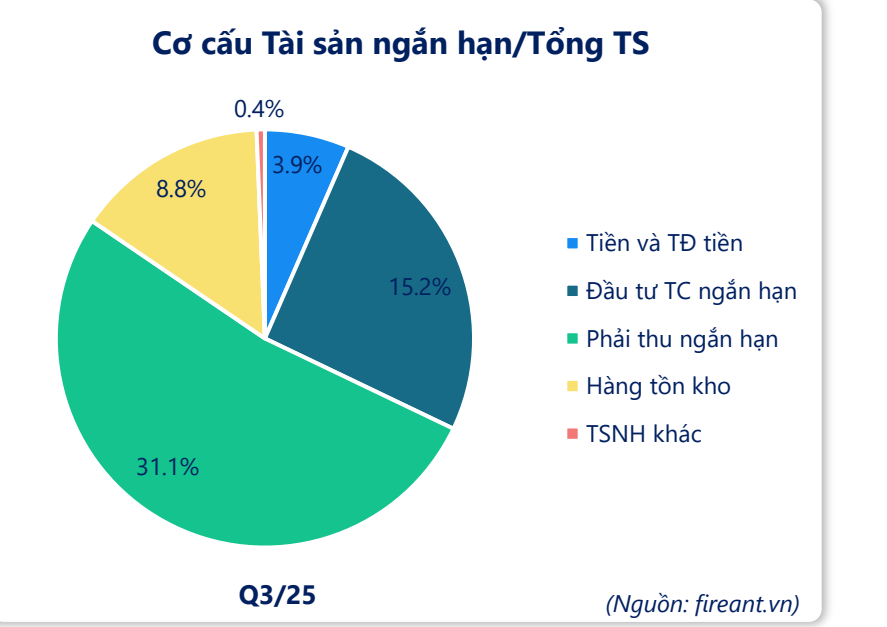
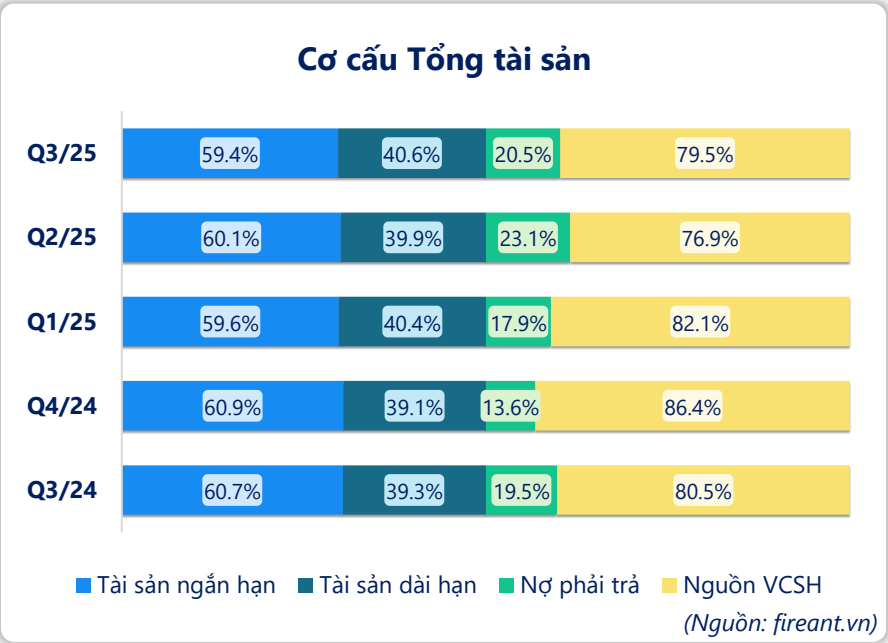
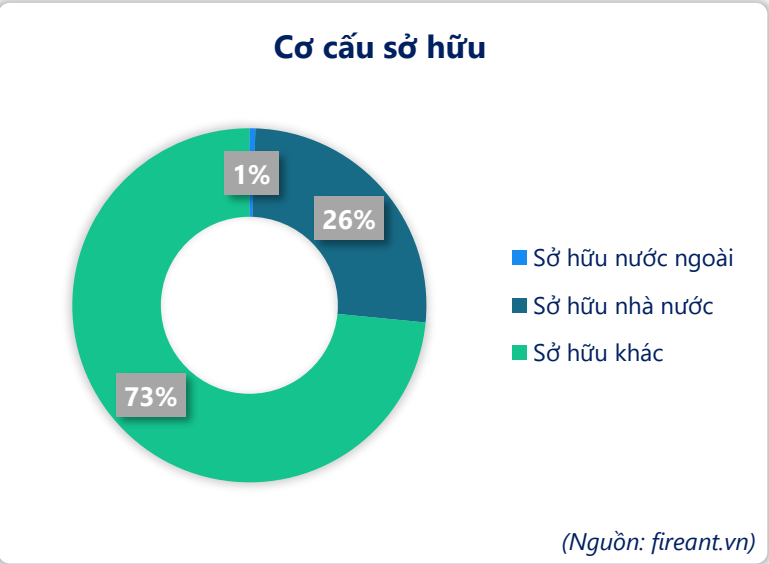
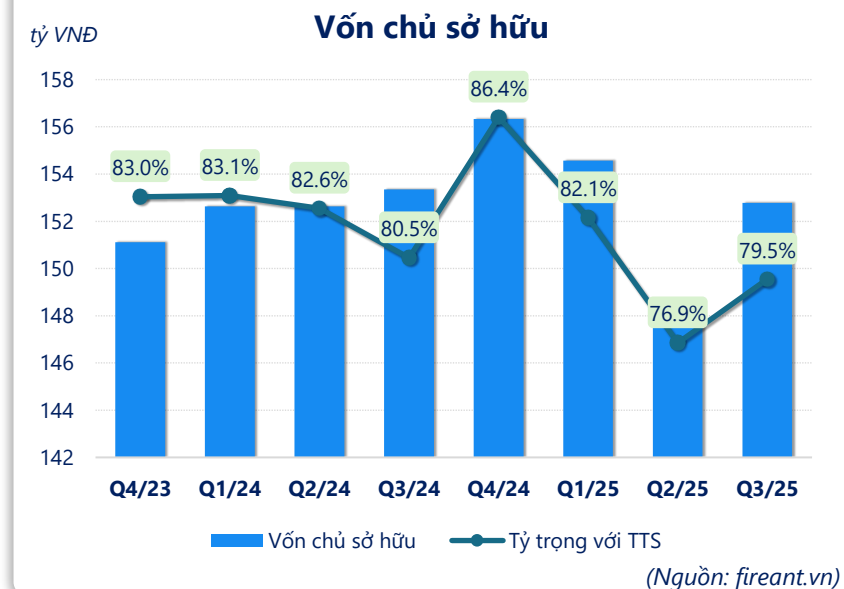
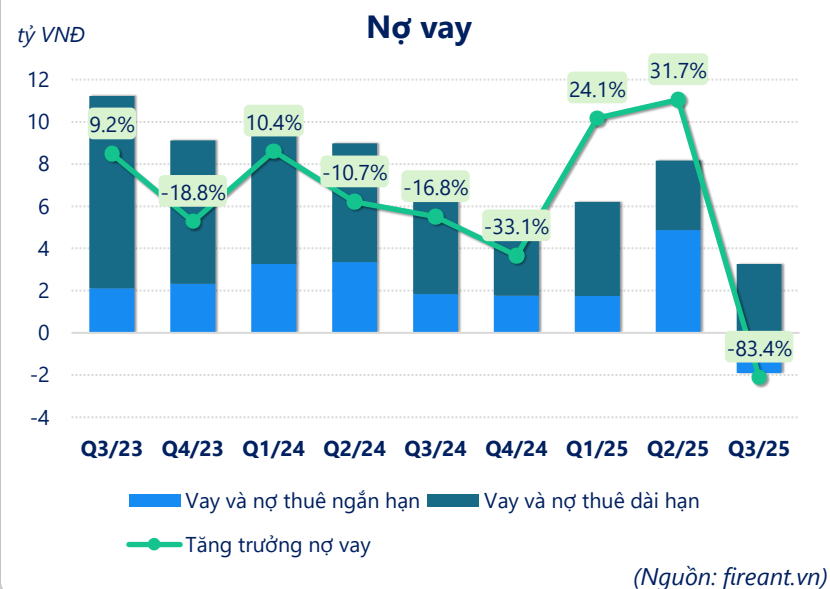
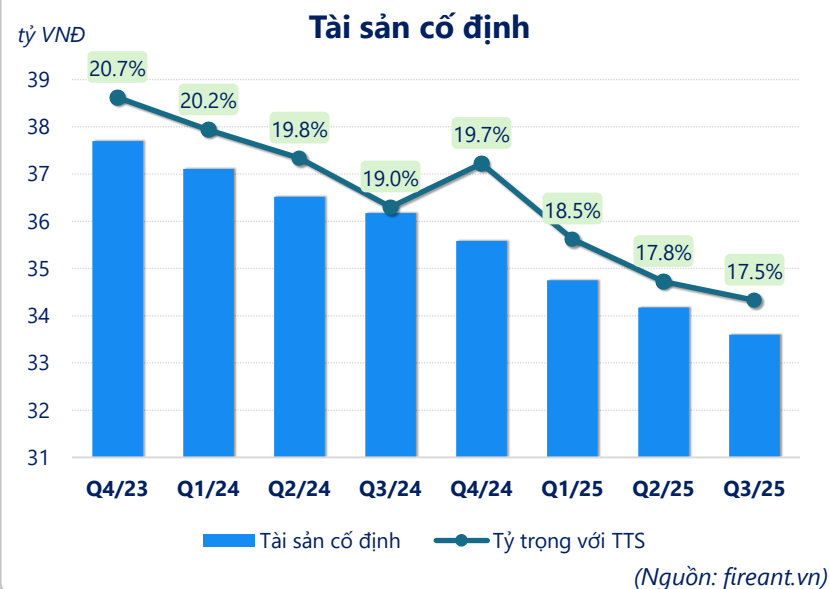
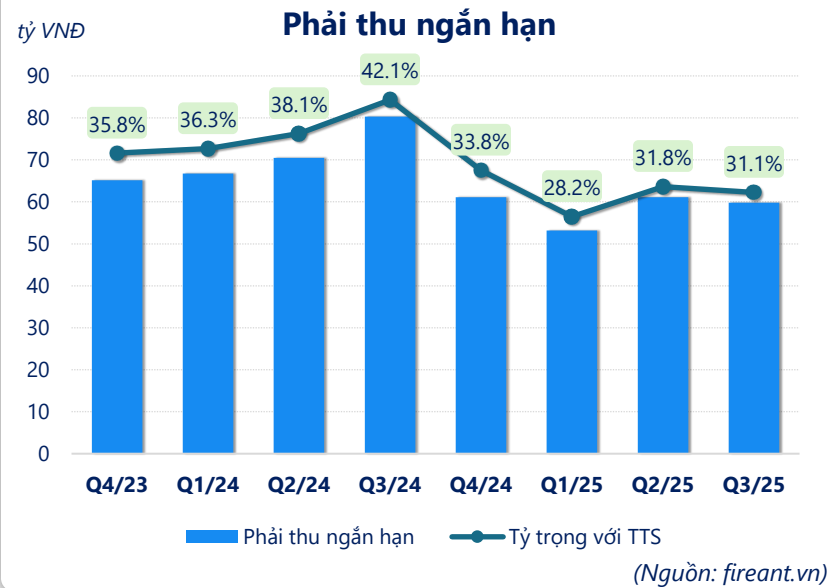
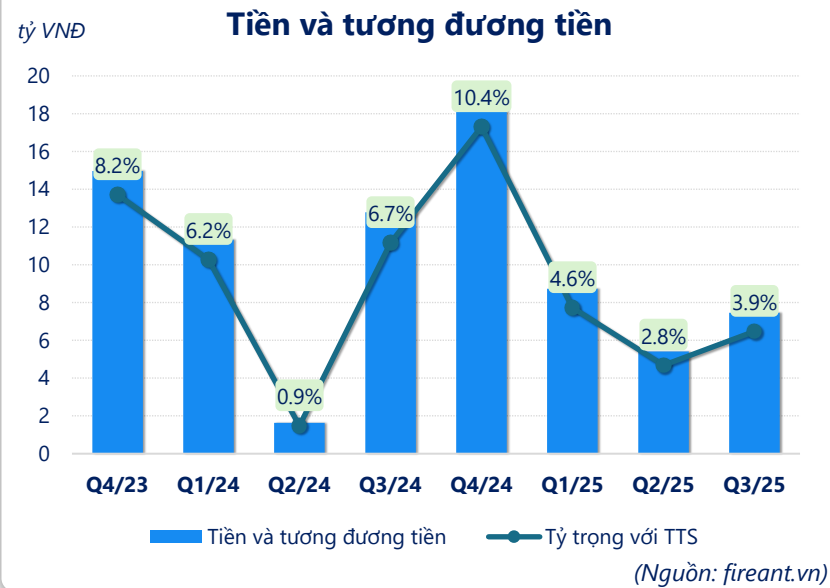
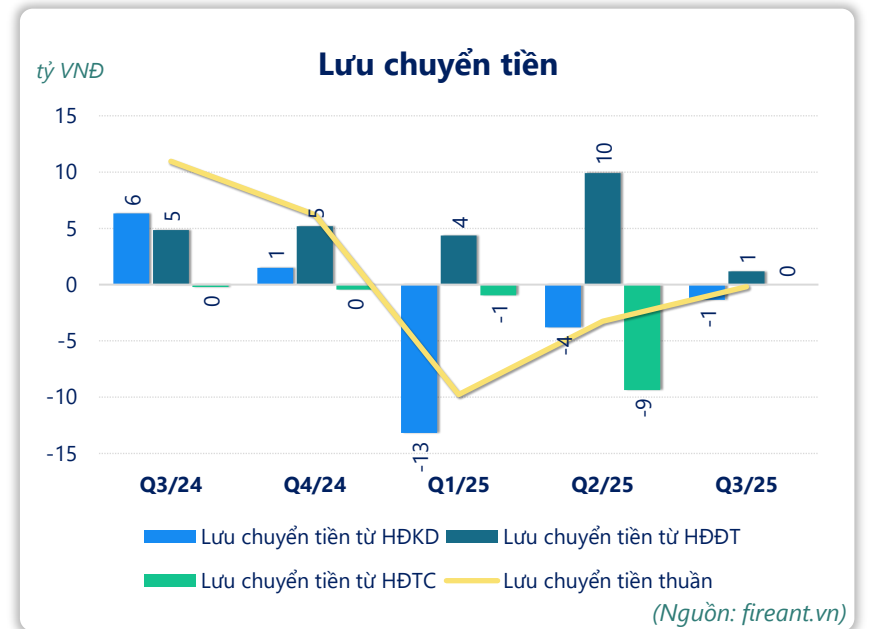
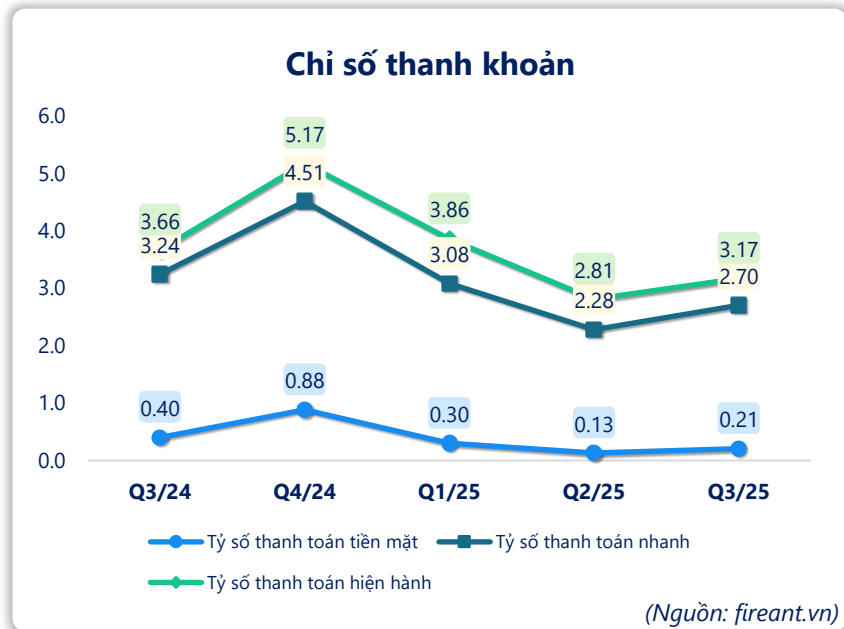
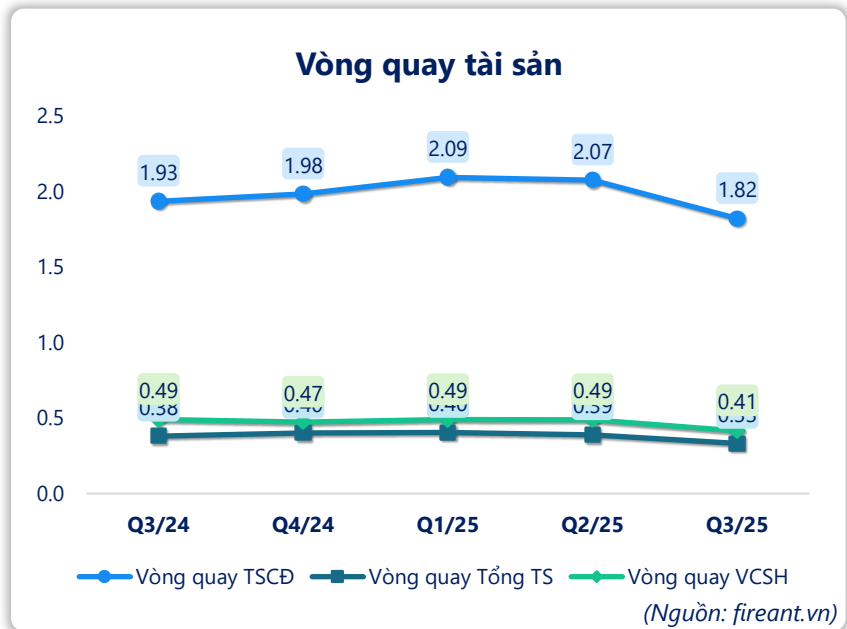
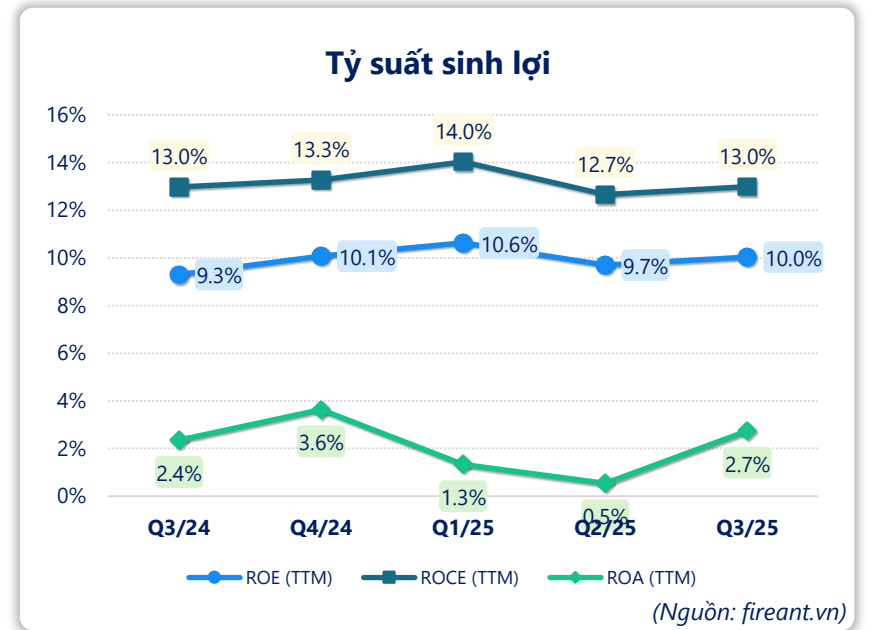
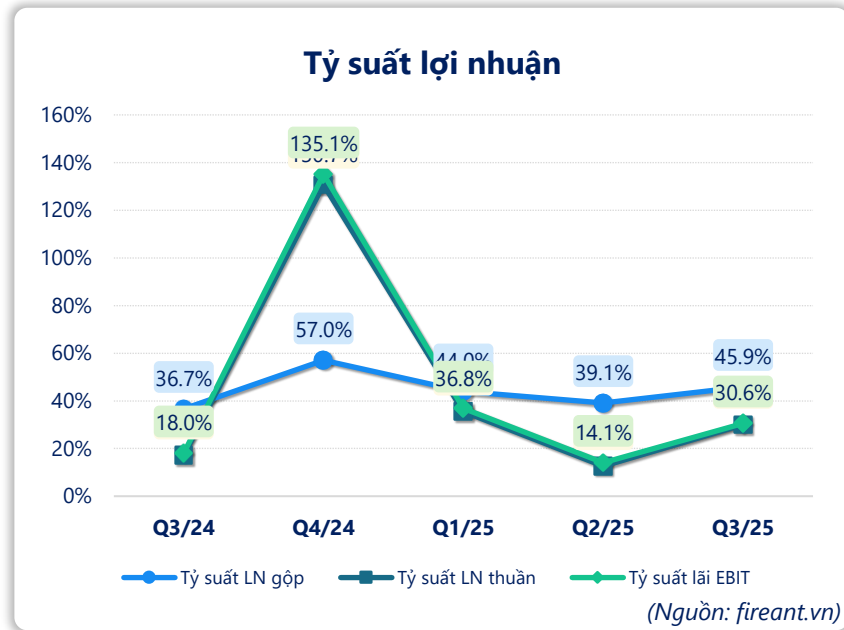
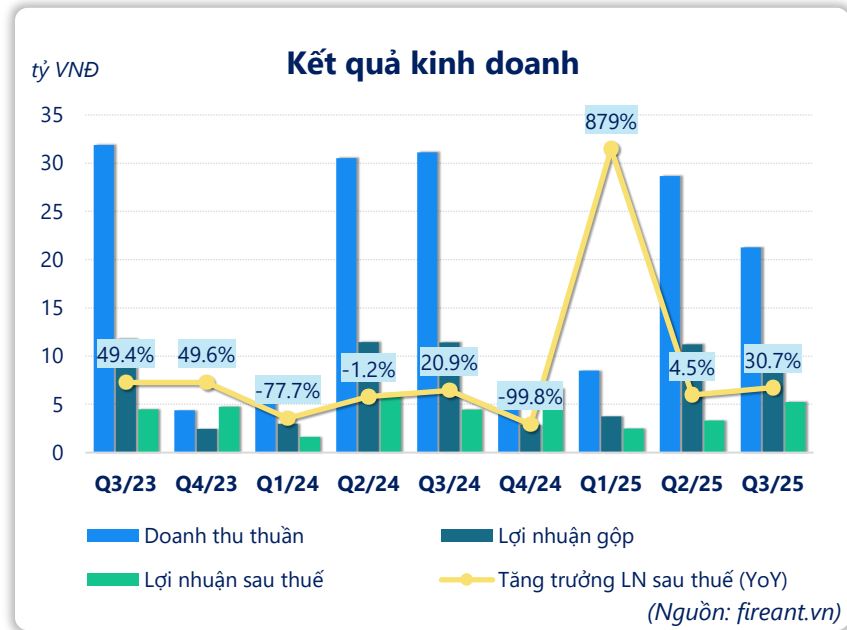


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,646
SL cổ phiếu LH		9,965,584
KLGD BQ 20 phiên (CP)		17,385
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		122
P/E		7.9
EPS		1,541

	YTD	1T	3T	6T
EBS	15.3%	2.5%	8.9%	5.2%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	192	182	5.4%
Tài sản ngắn hạn	114	103	10.5%
Tiền và tương đương tiền	7.46	18.8	-60.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	29.2	15.1	93.2%
Phải thu ngắn hạn	59.8	54.2	10.3%
Hàng tồn kho	17.0	14.1	20.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.73	1.11	-33.9%
Tài sản dài hạn	78.0	79.0	-1.3%
Phải thu dài hạn	0	0.06	-100%
Tài sản cố định	33.6	35.3	-4.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	30.5	33.6	-9.2%
Tài sản dài hạn khác	13.8	10.0	38.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	39.3	27.3	44.1%
Nợ ngắn hạn	36.0	22.8	58.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	-1.90	2.33	-182%
Phải trả người bán ngắn hạn	16.4	7.12	130%
Nợ dài hạn	3.31	4.50	-26.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	3.26	4.46	-26.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	153	155	-1.4%
Vốn chủ sở hữu	153	155	-1.4%
Vốn điều lệ	102	102	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	31.1	5.04	8.51	28.7	21.3
Giá vốn hàng bán	19.7	2.17	4.76	17.5	11.5
Lợi nhuận gộp	11.4	2.88	3.75	11.2	9.76
Doanh thu HĐTC	1.45	6.15	1.90	2.06	6.23
Chi phí TC	0.22	-0.02	0.15	0.45	0.14
Chi phí lãi vay	0.27	0.21	0.11	0.22	0.11
LN trong công ty LKLD	0	0	0	-0.11	0
Chi phí bán hàng	4.53	2.11	1.50	5.65	5.92
Chi phí QLDN	2.78	0.35	0.97	3.44	3.55
LN thuần từ HĐKD	5.33	6.59	3.02	3.62	6.38
Lợi nhuận khác	0.00	0.00	0.00	0.19	0.01
LN trước thuế	5.33	6.60	3.02	3.81	6.39
Lợi nhuận sau thuế	4.46	6.60	2.49	3.32	5.25
LNST của CĐ cty mẹ	4.46	6.60	2.49	1.02	5.25

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.32	1.50	-13.2	-3.80	-1.35
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	4.84	5.18	4.37	9.91	1.17
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.20	-0.46	-0.95	-9.36	0
Tiền đầu kỳ	1.88	13.0	18.8	9.02	5.76
Lưu chuyển tiền thuần	11.0	6.22	-9.77	-3.25	-0.18
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	13.0	19.1	9.02	5.76	5.66

(Nguồn: fireant.vn)